



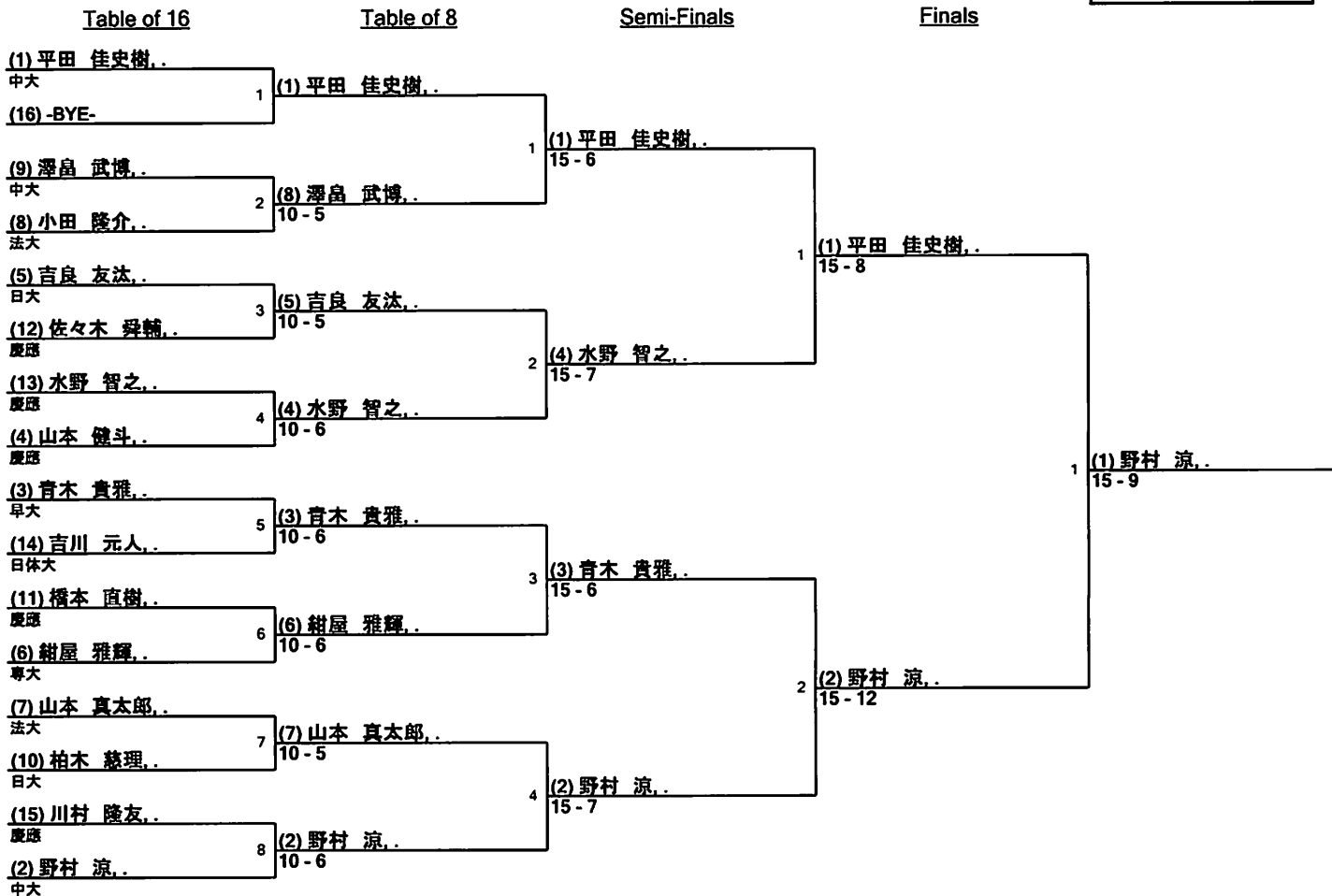
www.FencingTime.com

Men's Saber Final Ranking

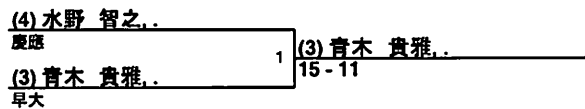
MS

Tournament: 関東学生フェンシング連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 15:00
FIE Document: FE_FIE_0012

Place	Name	Country	Birthdate
1	野村 涼, .		
2	平田 佳史樹, .		
3	青木 貴雅, .		
4	水野 智之, .		
5	吉良 友汰, .		
6	紺屋 雅輝, .		
7	山本 真太郎, .		
8	澤畠 武博, .		
9	山本 健斗, .		
10	小田 隆介, .		
11	柏木 慈理, .		
12	橋本 直樹, .		
13	佐々木 舜輔, .		
14	吉川 元人, .		
15	川村 隆友, .		
16	幡野 一貴, .		
17	平野 航大, .		
18	志田 颯人, .		
19	篠原 涼, .		
20	野田 康介, .		
21	宇田 滉平, .		



Fence-off for Third





Men's Saber Round #1 Pool Results

MS

Tournament: 関東学生フェンシング連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 15:00
FIE Document: FE_FIE_0007

1	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
志田 颯人, .	國學	1		D2	V5	D0	D2	1	0.25	9	16	-7
佐々木 舜輔, .	慶應	2	V5		V5	D0	D0	2	0.50	10	14	-4
宇田 滉平, .	青学	3	D1	D2		D0	D1	0	0.00	4	20	-16
吉良 友汰, .	日大	4	V5	V5	V5		D1	3	0.75	16	5	11
野村 涼, .	中大	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	4	16

2	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山本 真太郎, .	法大	1		V5	V5	D1	V5	3	0.75	16	13	3
幡野 一貴, .	明大	2	D2		D2	D1	V5	1	0.25	10	15	-5
橋本 直樹, .	慶應	3	D2	V5		D0	V5	2	0.50	12	12	0
平田 佳史樹, .	中大	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	3	17
野田 康介, .	國學	5	D4	D0	D0	D1		0	0.00	5	20	-15

3	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
柏木 慈理, .	日大	1		V5	D1	V5	D3	2	0.50	14	13	1
平野 航大, .	中大	2	D1		V5	D3	D4	1	0.25	13	19	-6
紺屋 雅輝, .	専大	3	V5	D4		V5	V5	3	0.75	19	11	8
川村 隆友, .	慶應	4	D2	V5	D2		D4	1	0.25	13	18	-5
小田 隆介, .	法大	5	V5	V5	D3	V5		3	0.75	18	16	2

4	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
水野 智之, .	慶應	1		D3	V5	V5	D4	D4	2	0.40	21	17	4
山本 健斗, .	慶應	2	V5		V5	V5	V5	D3	4	0.80	23	17	6
吉川 元人, .	日体大	3	D0	D3		V5	D3	V5	2	0.40	16	20	-4
篠原 涼, .	学習	4	D2	D3	D3		D4	D1	0	0.00	13	25	-12
澤畠 武博, .	中大	5	V5	D3	V5	V5		D2	3	0.60	20	21	-1
青木 貴雅, .	早大	6	V5	V5	D2	V5	V5		4	0.80	22	15	7